H 100-30

Dữ liệu đặc tính CRGO

Tóm tắt dữ liệu

Mác thép	H 100-30
Nhà sản xuất và độ dày	thyssenkrupp Electrical Steel · 0.3 mm
Tần số có dữ liệu công bố	50 Hz / 60 Hz
Dải mật độ từ thông đã công bố	1.7 T
Số mức mật độ từ thông	1
Đặc tính	Suất tổn hao lõi · Độ phân cực từ

Đặc tính ở 50 Hz

Bảng 01 · Thử tấm đơn (IEC 60404-3) với quy đổi đã công bố · Không nêu là B hay J

Mật độ từ thông đỉnh (T)	Suất tổn hao lõi Giá trị tối đa bảo đảm · W/kg
1.7	1.00

Đặc tính ở 60 Hz

Bảng 02 · Thử tấm đơn (IEC 60404-3) với quy đổi đã công bố · Không nêu là B hay J

Mật độ từ thông đỉnh (T)	Suất tổn hao lõi Giá trị tối đa bảo đảm · W/kg
1.7	1.32

Đặc tính khác

Không công bố tần số riêng
Bảng 03 · Thử tấm đơn (IEC 60404-3) với quy đổi đã công bố

Cường độ từ trường (A/m)	Độ phân cực từ Giá trị tối thiểu bảo đảm · T
800	1.88

Dấu gạch ngang biểu thị giá trị chưa được công bố.

Nguồn của nhà sản xuất và điều kiện thử nghiệm

Dùng số bảng và số dòng để tra cứu điều kiện thử nghiệm gốc.

thyssenkrupp Electrical Steel

powercore® grain oriented electrical steel – Product range

Phiên bản 03/2026 (printed, back cover) Tài liệu chính thức

Trang 22 của PDF · Bảng 01,02,03

powercore magnetic properties (IEC 60404-8-7) · Thử tấm đơn (IEC 60404-3) với quy đổi đã công bố

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Mill publishes SST values after converting losses at 1.7 T by 0.925 (IEC 60404-8-7) and J800 by 1.01. Grades are laser domain refined unless otherwise agreed; guaranteed properties require written agreement.

Tổng hợp độc lập

Chenfan Electric tổng hợp độc lập từ dữ liệu công bố của các nhà sản xuất thép.

Tiêu chí nghiệm thu căn cứ vào thông số kỹ thuật của nhà sản xuất thép và điều khoản đặt hàng bằng văn bản. Giá trị điển hình và giá trị tham khảo dùng để đánh giá.

Dữ liệu thép dải dùng làm tham khảo kỹ thuật. Cần xác minh riêng tổn hao của lõi thành phẩm.

Phiên bản 2026-11-14.2